

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong  
lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01 (Một)** thủ tục hành chính cấp xã được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

*(Phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình nội bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

## **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 và thay thế nội dung công bố tại số thứ tự 1 phần I Danh mục thủ tục hành chính và nội dung cụ thể tương ứng của TTHC tại phần II, ban hành kèm theo Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- UBND tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- TTPVHCC, P.KT-NV;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

| STT                        | Mã thủ tục hành chính      | Tên thủ tục hành chính                                                                | Thời hạn giải quyết                                         | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                    | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Quyết định quy trình nội bộ               |
|----------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO</b> |                            |                                                                                       |                                                             |                                                                                                                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                           |
| <b>CẤP XÃ</b>              |                            |                                                                                       |                                                             |                                                                                                                                                                                                                       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                           |
| 1                          | 1.011606.00<br>0.00.00.H61 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm | Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm | Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã</li> </ul> | Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 |

| STT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                             | Quyết định quy trình nội bộ |
|-----|-----------------------|------------------------|---------------------|--------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|     |                       |                        |                     |                    |             | hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH)<br>- Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |                             |

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*